

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng,

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022), giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lương Văn G, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị B) trình bày: Chị và anh Lương Văn G tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 02 năm 20xx. Anh chị chung sống với nhau hòa thuận được 02 năm đầu thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị và gia đình hòa đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 6 năm 2016, do mâu thuẫn căng thẳng, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể đoàn tụ, chị B yêu cầu được ly hôn anh G. Anh chị có 01 con chung là Lương Thanh N, sinh ngày 30 tháng 10 năm 20xx. Khi ly hôn, chị B đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị xin tự thỏa thuận với anh G, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Lương Văn G) khai, xác nhận nội dung chị B khai về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân, con chung và về tài sản chung là hoàn toàn đúng. Nay chị B xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn chị B, mặc dù anh không còn tình cảm, cũng như không muốn tìm chị B để hòa giải, vợ chồng về đoàn tụ. Anh chị có 01 con chung như chị B khai. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý để chị B trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh G là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung như các đương sự khai. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung của anh chị do chị B nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Trường hợp nếu phải ly hôn, Tòa án nên giao cháu N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn (chị B) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn (anh G) vắng mặt tại phiên tòa không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn chị Lương Văn G; giao con Lương Thanh N, sinh ngày 30 tháng 10 năm 20xx cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự giải quyết; về tài sản chung, anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (ly hôn, tranh chấp nuôi con); bị đơn (anh Lương Văn G) có nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn (chị B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh G), mặc dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị B, anh G.

- Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với tài liệu xác minh tại gia đình, địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Chị B, anh G tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tiên Lãng vào ngày 25 tháng 02 năm 20xx, là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được 02 năm thì mâu thuẫn phát sinh do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị B yêu cầu được ly hôn anh G, anh G không đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị B, anh G đã sống ly thân nhau thời gian dài (từ năm 2016 đến nay), mặc dù anh G không đồng ý ly hôn chị B, nhưng kể từ khi anh chị sống ly thân đến nay, anh G không tìm chị B để hòa giải, vợ chồng về đoàn tụ; bản thân anh cũng xác nhận không còn tình cảm với chị B. Như vậy có đủ cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của chị B, anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị B được ly hôn anh G.

[4]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lương Thanh N, sinh ngày 30 tháng 10 năm 20xx. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, con chung của anh chị do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Khi ly hôn, chị B đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; anh G đồng ý để chị B trực tiếp nuôi con. Xét thấy, chị B có nghề nghiệp, thu nhập và nơi ở ổn định; ngoài ra chị còn được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu N. Như vậy có thể thấy chị B có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; anh G cũng đồng ý để chị B trực tiếp nuôi con chung của anh chị. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nhận trực tiếp nuôi con của chị B, xử cho chị B được trực tiếp nuôi con Lương Thanh N. Việc cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thỏa thuận với nhau, không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên đề anh chị tự giải quyết với nhau về việc cấp dưỡng cho con là phù hợp.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Lương Văn G.

2. Về con chung: Giao con Lương Thanh N, sinh ngày 30 tháng 12 năm 20xx cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con, do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006260 ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tiên Lãng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã B, huyện T,
thành phố Hải Phòng (ĐKKH 20xx);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Phạm Thị Huyền Trang